

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 130/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 6 năm 2024

Về việc: Không công nhận vợ
chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Bảy

Ông Võ Sĩ Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Hẻm 00, đường P, khóm 3, phường 0, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Phạm Minh V, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Hẻm 00, đường P, khóm 3, phường 0, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Dương Thị Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Minh V chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Phạm D G B, sinh ngày 17/12/2008 và Phạm Dương T T, sinh ngày 18/10/2010, con chung đang sống cùng với ông V. Khi ly hôn, bà đồng ý giao 02 con chung cho ông V tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn ông Phạm Minh V trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Dương Thị Đ chung sống vợ chồng với nhau vào khoảng năm 2006 - 2007, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay bà Đ yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Phạm Dương G B, sinh ngày 17/12/2008 và Phạm Dương T T, sinh ngày 18/10/2010. Các con chung hiện đang sống cùng với ông. Khi ly hôn, ông đồng ý tiếp tục nuôi các con chung, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Dương Thị Đ và ông Phạm Minh V chung sống vợ chồng với nhau vào khoảng năm 2006 - 2007, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được sự thống nhất thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa. Do đó, hôn nhân giữa bà Đ và ông V là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà Đ và ông V thống nhất chấm dứt mối quan hệ hôn nhân nên Tòa án không công nhận bà Đ và ông V là vợ chồng.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Phạm Dương G B, sinh ngày 17/12/2008 và Phạm Dương T T, sinh ngày 18/10/2010, con chung đang sống cùng với ông V, đã ổn định về cuộc sống, con chung có nguyện vọng được ở cùng với cha khi cha mẹ ly hôn, ông V và bà Đ thống nhất thỏa thuận giao các con chung cho ông V tiếp tục nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận của các đương sự về con chung phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng con chung nên được chấp nhận, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà Đ không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Bà Đ và ông V xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Đ và ông V xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Dương Thị Đ và ông Phạm Minh V là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Dương G B, sinh ngày 17/12/2008 và Phạm Dương T T, sinh ngày 18/10/2010 cho ông Phạm Minh V tiếp tục nuôi dưỡng; Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Người không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Dương Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 27/3/2024 bà Đ đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0008318 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang